

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỨC XUÂN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ/ĐH ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Đại hội
đại biểu Đảng bộ phường Đức Xuân lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế -
xã hội năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân phường Đức Xuân về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm
bảo quốc phòng, an ninh năm 2026;*

*Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân phường Đức Xuân về dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung một số
chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026;
Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026 tại Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày
23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân về kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026, cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu điều chỉnh (theo Biểu chi tiết đính kèm).

2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày
23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân về kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân khóa VIII, Kỳ họp thứ năm (*Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026*) thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy phường;
- UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Các Tổ dân phố;
- Lưu: VT, VP, HSKH.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Kim Ngân

**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2026**
(Kèm theo Nghị quyết số 274/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 261/NQ-HĐND
1	Thu nội địa	Triệu đồng	139.580	Bổ sung
1.1	Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng	85.500	Bổ sung
1.2	Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết	Triệu đồng	54.080	Bổ sung
2	Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn	%	12	Điều chỉnh
3	Cây lương thực có hạt			Điều chỉnh
3.1	Diện tích	Ha	268	
3.2	Sản lượng	Tấn	1.310	
4	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	30	Bổ sung
5	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	200	Điều chỉnh
6	Trồng rừng	ha	40	Điều chỉnh
7	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp mới	DN	≥3	Bổ sung
8	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,52	Điều chỉnh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 261/NQ-HĐND
9	Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	Người	1.300	Bổ sung
10	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	52	Bổ sung
11	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh đủ 4 bệnh)	%	45	Bổ sung
12	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh đủ 5 bệnh)	%	60	Bổ sung
13	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm	%	82	Bổ sung
14	Tỷ lệ tổ dân phố đạt danh hiệu Tổ dân phố văn hóa	%	95	Điều chỉnh
15	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	< 3	Bổ sung
16	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý	%	50	Điều chỉnh
17	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại thành thị	%	65	Điều chỉnh
18	Tỷ lệ công suất vận hành trạm XLNT trên tổng công suất theo quy hoạch của từng đô thị	%	25	Bổ sung
19	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Bổ sung
20	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh	%	38	Bổ sung
21	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	%	100	Bổ sung

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 261/NQ-HĐND
22	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số	%	2,9	Bổ sung
23	Xây dựng phường không có ma túy			Bổ sung
23.1	<i>Giảm số người sử dụng trái phép chất ma túy so với năm 2025 và không để phát sinh mới</i>	%	<i>Giảm 30</i>	
23.2	<i>Tỷ điểm phức tạp về ma túy được phát hiện, triệt xóa và không để tái diễn phức tạp tại các địa điểm đã triệt xóa</i>	%	<i>100</i>	